

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2024
Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Sĩ và Ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S – tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2024/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q - sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã C, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt

* *Bị đơn:* Anh Trần Công V - sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã C, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn xin ly hôn ngày 19/3/2024, quá trình Tòa giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày được tóm tắt như sau:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Công V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã S vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, gây gỗ, anh V đánh đập chị, tình cảm phai nhạt, không thể hàn gắn lại được, không còn chăm sóc gì, sống chung cùng nhau. Do đó, tình cảm giữa chị Q với anh V thật sự không còn, không thể nào sống chung với nhau được nên chị Q yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Công Vàng.

Về con chung: Có ba con chung tên Trần Thị Y T, sinh ngày 14/7/2007 (giới

tính Nữ), Trần Phụng T1, sinh ngày 17/12/2011 (giới tính Nam), Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/2019 (giới tính Nam), chị Q yêu cầu nuôi dưỡng cháu P, anh V nuôi dưỡng các cháu T, T1 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại bản trình bày ý kiến ngày 15/4/2024 và tại phiên hòa giải ngày 15/4/2024, Bị đơn anh Trần Công V trình bày:* Đúng là anh V và chị Nguyễn Thị Q kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã S vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, trong quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, có khi anh V đánh chị Q, nhưng sau đó anh V cũng đã xin lỗi chị Q, nên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V thống nhất có ba con chung tên Trần Thị Y T, sinh ngày 14/7/2007 (giới tính Nữ), Trần Phụng T1, sinh ngày 17/12/2011 (giới tính Nam), Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/2019 (giới tính Nam), anh V, chị Q thỏa thuận chị Q nuôi dưỡng cháu P. Anh V nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2024 anh V trình bày xin Tòa án cho anh thời gian một tháng để vợ chồng hòa giải nói chuyện với nhau, sau một tháng vợ chồng không có tiếng nói chung thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Trần Công V vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Trần Công V. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Y T, sinh ngày 14/7/2007 (giới tính Nữ), Trần Phụng T1, sinh ngày 17/12/2011 (giới tính Nam) cho anh Trần Công V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/2019 (giới tính Nam) cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Q và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung: Chị Q, anh V không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc chị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn anh Trần Công V và yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS, bị đơn anh Vàng, cư trú tại: thị xã S, tỉnh Phú Yên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã S theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Công V có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Trần Công V theo khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Công V tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã S vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn: Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Q thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do do bất đồng quan điểm, gây gổ, anh V đánh đập chị, tình cảm phai nhạt, không còn sống chung với nhau, tại biên bản xác minh ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S với chính quyền địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh V xảy ra đã lâu, cãi nhau gay gắt khoảng 2-3 năm, anh V, chị Q không còn chung sống với nhau; tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2024 anh V trình bày xin Tòa án cho anh thời gian một tháng để vợ chồng hòa giải nói chuyện với nhau, sau một tháng nếu vợ chồng không có tiếng nói chung thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nhưng từ khi lập biên bản hòa giải đến nay đã hơn một tháng nhưng giữa chị Q và anh V vẫn không có tiếng nói chung. Điều đó cho thấy tình cảm giữa chị Q và anh V thật sự không còn, không thể nào chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[4] Về con chung: Chị Q và anh V thống nhất để anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Trần Thị Y T, sinh ngày 14/7/2007 (giới tính Nữ), Trần Phụng T1, sinh ngày 17/12/2011 (giới tính Nam). Chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/2019 (giới tính Nam). Chị Q và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét sự tự nguyện thỏa thuận về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con giữa chị Q và anh V phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Q và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Q và anh V xác định không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Các điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Trần Công V.

[2] Về con chung: Anh Trần Công V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung tên Trần Thị Y T, sinh ngày 14/7/2007 (giới tính Nữ), Trần Phụng T1, sinh ngày 17/12/2011 (giới tính Nam). Chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hoàng P, sinh ngày 21/6/2019 (giới tính Nam). Chị Q và anh V không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Công V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã tạm nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000304 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S. Chị Q nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã S;
- Chi cục thi hành án Thị xã S;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Minh Hoàng

